

Bản án số **173/2022/HC-PT**

Ngày 30/6/2022

V/v: “*Khiếu kiện QĐ hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh.

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 42/2022/TLPT-HC ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1755/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2022; giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Phạm Ngọc S (*đã chết*); địa chỉ cư trú trước khi chết: Khu phố 3, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Ngọc S tham gia tố tụng đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N; cư trú tại: Khu phố 3, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị T; cư trú tại: Khu phố Đại Áng, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

3. Ông Phạm Ngọc T4; cư trú tại: Khu phố 3, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

4. Ông Phạm Ngọc T2; cư trú tại: Khu phố 3, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị Thanh T3; cư trú tại: Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, bà T, ông T2, bà T3: Ông Phạm Ngọc T4; cư trú tại: Khu phố 3, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Võ Sỹ C, luật sư, Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: 149 đường H1, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ: Số 01 đường H2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Phạm Văn D, Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Bà Phạm Thị Hồng O - Trưởng phòng Phòng Tư pháp thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị H3 - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ: số 01 đường H2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Dũng, Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố Đ1:

- Bà Phạm Thị Hồng O - Trưởng phòng Phòng Tư pháp thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị H3 - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết L, Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND phường Đ: Ông Trần Quốc Th, Công chức Tư pháp - Hộ tịch và bà Lê Thị Th1, Công chức Địa chính-Môi trường, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ: số 01 đường H2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Thế K1 và bà Đinh Thị Th2; cư trú tại: Khu phố L1, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Diện tích đất 540 m² tại khu phố 5, phường Đ, thành phố Đ1 có nguồn gốc do cha mẹ ông Phạm Ngọc S để lại từ năm 1963. Năm 1987, thực hiện chính sách quản lý của Nhà nước, ông S đã đăng ký tại sổ đăng ký ruộng đất của Phường với diện tích 540 m² đất tại tờ bản đồ số 4, thửa 346, loại đất T. Do vùng đất này thường xuyên ngập lụt, thực hiện chính sách di dân lên vùng cao của Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã (nay là thành phố) Đ1, năm 1990 gia đình ông S đã chuyển lên vùng cao thuộc khu phố 3, phường Đ để sinh sống, ngôi nhà cũ và vườn hàng năm vẫn thường xuyên về tu bổ, canh tác. Năm 1990, gia đình ông S tháo dỡ phần trên của ngôi nhà để đem về tu sửa nhà mới, đất nhà cũ vẫn trồng một số cây lâu năm và rau màu để tăng thu nhập theo chủ trương một chôn hai quê của UBND xã lúc bấy giờ.

Ngày 11/6/2019, ông S yêu cầu Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị tiến hành đo đạc xác định lại diện tích, mốc giới của thửa đất để lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết toàn bộ diện tích đất của gia đình ông đã được UBND thành phố Đ1 cấp cho ông Nguyễn Thế K1 và bà Đinh Thị Th2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM511791 ngày 31/10/2018, diện tích 1.056 m² tại Xóm D1, làng L1, nay là Khu phố 5, phường Đ, thành phố Đ1, có một phần chồng lên diện tích 540m² đất của gia đình ông S. Hiện tại ông K1 và bà Th2 đã chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất được cấp cho nhiều người khác.

Như vậy, quyền sử dụng 540m² nói trên có nguồn gốc hợp pháp, gia đình ông S kê khai sử dụng, chưa bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi theo quy định của pháp luật, nhưng quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM

511791 ngày 31/10/2018 do UBND thành phố Đ1 cấp cho ông Nguyễn Thế K1 và bà Đinh Thị Th2 đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Quyết định giải quyết khiếu nại số 2741/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1 xem xét thiếu khách quan, toàn diện về nguồn gốc đất và các giấy tờ có liên quan khác, từ đó không công nhận khiếu nại của ông S là không đúng pháp luật.

Ông Phạm Ngọc S yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2741/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị. Xác định việc UBND thành phố Đ1, tỉnh Quảng T'ri cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 511791 cho ông Nguyễn Thế K1 và bà Đinh Thị Th2 là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Rút toàn bộ yêu cầu UBND thành phố Đ1 và ông Nguyễn Thế K1, bà Đinh Thị Th2 liên đới bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính trái pháp luật gây ra đối với diện tích 540m² đất được xác định theo giá thị trường tại thời điểm hiện tại là 2 tỷ đồng.

Tại phiên tòa, người khởi kiện không yêu cầu Tòa án liên hành thẩm định đo đạc lại diện tích đất tranh chấp mà đề nghị sử dụng sơ đồ do đạc của Tổ xác minh UBND thành phố Đ1 đã thực hiện.

Tại văn bản số 857/UBND-PTNMT ngày 05/5/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ1 trình bày:

1. Đối với yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2741/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1:

- Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại: Ông Phạm Ngọc S khiếu nại về việc UBND thành phố Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Thế K1 chồng lên diện tích đất gia đình ông S đang sử dụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND thành phố Đ1 thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của ông Phạm Ngọc S là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011.

- Về trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại: Trên cơ sở đơn khiếu nại đề ngày 29/9/2020 và đơn ghi ngày 12/10/2020 của ông Phạm Ngọc S (ông Phạm Ngọc T4 là người đại diện theo ủy quyền), ngày 20/10/2020 Chủ tịch UBND thành phố Đ1 đã ban hành Thông báo số 177/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 2330/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 23/10/2020, Chủ tịch UBND thành phố Đ1 ban hành Quyết định số 2368/QĐ-UBND xác minh nội dung khiếu nại lần đầu; cùng ngày Tổ xác minh đã ban hành kế hoạch số 623/KH-TXM xác minh nội dung khiếu nại của ông Phạm Ngọc S; ngày 18/11/2020 tổ chức đối thoại với người khiếu nại; ngày 20/11/2020 ban hành Quyết định số 2647/QĐ-UBND về việc gia hạn thời gian xác minh; ngày 03/12/2020 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2741/QĐ-UBND (lần đầu).

Như vậy, việc Chủ tịch UBND thành phố Đ1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2741/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

- Về nội dung giải quyết khiếu nại:

Nội dung giải quyết khiếu nại đã được thể hiện đầy đủ tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 2741/QĐ-UBND.

Mặc dù trước đây ông Phạm Ngọc S có thửa đất và có tên trong sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 của phường Đ, tuy nhiên do thửa đất có vị trí thấp lựt nên năm 1986 hưởng ứng chủ trương đưa dân từ vùng thấp lên vùng cao, gia đình ông S đã xin cấp đất tại vùng Bàu, khu phố 3 và đã chuyển toàn bộ nhà lên vị trí đất mới được cấp, sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Tại nơi ở mới, hộ gia đình ông Phạm Ngọc S, bà Nguyễn Thị N được UBND thị xã (nay là thành phố) Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X510099 ngày 29/11/2003 với diện tích 1.323 m². Từ sau khi chuyển đến nơi ở mới đến nay, gia đình ông S không sử dụng thửa đất cũ nêu trên.

Do đó, ông Phạm Ngọc S yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2741/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1 là không đúng.

2. Đối với phần rút yêu cầu của người khởi kiện:

Người bị kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Đ1 trình bày: Nhất trí ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường Đ trình bày:

Năm 1983, Ủy ban nhân dân phường có chủ trương di dời dân từ vùng thấp lựt lên vùng cao; đến năm 1986, bắt đầu các hộ dân lên nhận đất mới, xây dựng nhà ở và chuyển dần tài sản từ nhà cũ lên cho đến năm 1990. Trong các hộ chuyển lên vùng cao thì có gia đình ông Phạm Ngọc S chuyển đi từ năm 1986, được cấp đất làm nhà ở và sinh sống ổn định tại khu phố 3, phường Đ thuộc thửa

đất số 37, tờ bản đồ số 36, diện tích 1.323 m², cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003.

Đối với quá trình kê khai, sử dụng đất của ông S: Theo hồ sơ lưu trữ tại phường thì thửa đất 540m² đã được ông Phạm Ngọc S kê khai, đăng ký trong Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 của xã T1 (nay là phường Đ) tại thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, loại đất T. Khoảng 2 năm sau khi dời đi (1987-1988), gia đình ông S có quay về thửa đất cũ để thu hoạch hoa quả (mít, măng). Các năm sau đó, hộ gia đình bỏ hoang không còn sử dụng thửa đất này nữa.

Năm 1993, thì diện tích 540m² ông S kê khai được UBND phường nhập vào thửa đất số 29, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.532m², loại đất màu, tên chủ sử dụng đất là đất chưa giao và đất giao thông do UBND phường quản lý.

Năm 2001, hồ sơ địa chính của phường thể hiện thửa đất trên thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.573m² đất vườn, tên chủ sử dụng đất là UBND phường.

Đối với quá trình sử dụng đất của ông K1: Sau khi thấy hộ ông S bỏ hoang đất lâu năm, gia đình ông K1 đã trực tiếp đầu tư công sức, cải tạo lại thửa đất trên để trồng cây nông nghiệp, hoa màu, sau này chuyển sang trồng cây lâm nghiệp là keo và trầm. Năm 1994, ông K1 nhận chuyển nhượng lại phần đất của ông Nguyễn Văn H4 (giáp vườn ông S) và tiếp tục trồng cây toàn bộ diện tích trên. Năm 2017, UBND thành phố Đ1 giải phóng mặt bằng để mở đường RMS từ phường 2 đi Đ, Đông Lương, có thu hồi một phần diện tích đất 537m² trong tổng diện tích ông K1 đang sử dụng, có đền bù giá đất và tài sản cây cối hoa màu cho ông K1. Tháng 9/2018, UBND phường Đ nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K1 và bà Th2 đối với thửa đất số 01 + D1, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.056 m², loại đất trồng cây lâu năm, sau khi nhận hồ sơ đề nghị, UBND phường đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến khu dân cư; niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ nhưng không nhận được khiếu nại, tranh chấp gì liên quan đến thửa đất vợ chồng ông K1 đang sử dụng. Ngày 26/9/2018, UBND phường đã xác nhận nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất để hộ gia đình ông K1 thực hiện các thủ tục tiếp theo.

Tại văn bản số 524/CNĐH-ĐKCG ngày 09/7/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh thành phố Đ1 trình bày:

Trên cơ sở UBND phường Đ xác nhận hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K1, bà Th2 theo quy trình, quy định. Văn phòng đăng ký đất đai đã thẩm tra, xác nhận hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính

phủ; hồ sơ đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ1 thẩm định theo quy định tại khoản 4 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 31/10/2018, UBND thành phố Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 511791 cho ông Nguyễn Thế K1 và bà Đinh Thị Th2 với diện tích 1.056 m² đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 10 thuộc khu phố 5 (nay là khu phố L1), phường Đ, thành phố Đ1. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 10/6/2021, quá trình giải quyết vụ và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Thế K1 trình bày:

Mảnh đất mà ông Phạm Ngọc S đang kiện trước đây nằm trong vùng lũ lụt nặng. Sau trận lũ lịch sử năm 1983 và bão năm 1985, UBND xã T1 có chủ trương di dời dân lên vùng cao và cấp đất mới cho người dân di dời, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn H4 và ông Phạm Ngọc S. Sau khi ông H4 và ông S chuyển đi (sau năm 1985) thì đã chuyển toàn bộ nhà cửa, tài sản trên đất, hiện trạng còn vườn hoang, bãi đất trống, riêng nhà ông H4 còn có 01 cái giếng và nhiều cây mít.

Thấy đất bỏ hoang nên gia đình ông K1 ở gần đó đến khai hoang và trồng trọt, trong đó có toàn bộ đất của gia đình ông S, do ông H4 thường xuyên về thu hoạch mít trong vườn nên năm 1994 ông K1 đã thỏa thuận với ông H4 mua lại mảnh vườn. Sau khi trồng rau màu không thu hoạch sản lượng được bao nhiêu nên ông K1 đã chuyển sang trồng tràm trên toàn bộ diện tích đất cho đến năm 2017 khi thực hiện dự án mở đường phường 2 đi Đông Lương, Đ, gia đình ông được nhận bồi thường một phần diện tích đất thu hồi và cây cối, bao gồm tràm và cây lưu niên, ông K1 khẳng định, gần 30 năm nay gia đình ông đã khai hoang canh tác, sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp trên mảnh vườn cũ đã bỏ hoang của ông S, ông H4. Thửa đất mà ông K1 đang sử dụng có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông đã làm đơn đến UBND phường Đ và UBND thành phố Đ1 xem xét và đã được cấp. Việc Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông là đúng quy định của pháp luật, ông K1 không có ý kiến gì đối với phần rút yêu cầu bồi thường của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Th2: Không tham gia tố tụng và không có ý kiến bằng văn bản.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn H4 trình bày:

Gia đình ông H4 có nguồn gốc đất từ năm 1966 ở xã T1, năm 1987 đăng ký diện tích sử dụng ranh giới giáp đất ông S, khi có chính sách di dân lên vùng cao hơn thì gia đình ông H4 chuyển lên đường Lê Duẩn ở và được cấp đất mới, toàn bộ tài sản chuyển lên hết, trong vườn chỉ còn lại cái giếng và một số cây lưu niên. Từ khi ông H4 lên thì không sử dụng đất đó nữa, gia đình ông K1 ở gần đó

ra trồng trọt sử dụng nên ông H4 bán lại cho ông K1 mảnh vườn giá 01 chỉ vàng và ông K1 tiếp tục sử dụng. Khi UBND thành phố Đ1 giải phóng mặt bằng có đền bù cho ông H4 giá trị cái giếng 6 triệu đồng và cây mít 360.000 đồng, còn đất ông H4 không liên quan, việc mua bán 02 bên có viết giấy tờ nhưng do lũ lụt đã bị thất lạc và quá lâu nên nay ông H4 viết giấy xác nhận lại.

Người làm chứng ông Trần Đình Q1, ông Phạm Ngọc H5, ông Nguyễn Văn Đ3, ông Nguyễn Văn H6, ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn H7, ông Trần Đình V trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Xác nhận trước đây gia đình ông Phạm Ngọc S có nhà và đất ở xã T1, sau khi chuyển nhà lên vùng cao theo chủ trương của nhà nước, gia đình ông S được cấp đất ở mới thì có thấy vợ chồng bà N về vườn cũ, còn chính xác đến thời điểm nào không về nữa thì không nắm cụ thể.

Người làm chứng ông Phạm Ngọc C1 (hiện ở sát ranh giới đất tranh chấp) vắng mặt nhưng ngày 26/11/2021, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, đồng thời xác minh bà Lê Thị T5 (vợ ông Cảnh), bà T5 cung cấp:

Năm 2011, bà T5 kết hôn với ông C1 và về sinh sống gần thửa đất đang tranh chấp thì thấy ông K1 và bà Th2 đã trồng tràm trên diện tích đất tranh chấp, ranh giới thửa đất tranh chấp sát hàng rào vườn nhà ông C1, bà T5. Khoảng năm 2012, ông K1 thu hoạch và trồng lại lúa tràm khác, sau khi ông K1 làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp xong thì bà T5 thấy ông T4 mang cây sả về trồng. Thời gian từ năm 2011 đến thời điểm ông T4 đưa sả về trồng thì bà T5 không thấy ông S, bà N về canh tác trên đất tranh chấp mà chỉ thấy ông K1, bà Th2 trồng tràm.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 7; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm c khoản 1 Điều 168; điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 18, Điều 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại 2011; Điều 100; khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 5 Điều 20; khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ khoản 1, 7 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị T, ông Phạm Ngọc T4, ông Phạm Ngọc T2 và bà Phạm Thị Thanh T3 về hủy Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Ngọc S.

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị T, ông Phạm Ngọc T4, ông Phạm Ngọc T2 và bà Phạm Thị Thanh T3 về việc buộc UBND thành phố Đ1 và ông Nguyễn Thế K1, bà Đinh Thị Th2 có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính trái pháp luật gây ra đối với diện tích 540 m² đất là 2 tỷ đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 23/12/2021, ông Phạm Ngọc T4 là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của người khởi kiện, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Ngọc S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Ngọc T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của người khởi kiện, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Ông Phạm Ngọc T4 cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Ngọc S, vì quyết định này không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Ngọc T4 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Năm 1987, ông Phạm Ngọc S có kê khai trong sổ đăng ký ruộng đất tại UBND xã T1 (nay là phường Đ) với diện tích 540m² thuộc thửa đất số 346, tờ

bản đồ số 04. Từ năm 1986 đến năm 1990, thực hiện chủ trương di dời lên vùng cao, gia đình ông S đã di dời và được cấp đất làm nhà ở ổn định. Sau khi gia đình ông S chuyển đi, theo hồ sơ đo đạc năm 1993 thì diện tích đất này được UBND phường Đ nhập vào thửa số 29, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.532m², loại đất màu, tên chủ sử dụng đất là đất chưa giao và đất giao thông do UBND phường quản lý. Đến năm 2001, hồ sơ địa chính của phường thể hiện thửa đất trên thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.573m² đất vườn, tên chủ sử dụng đất là UBND phường.

Như vậy, sau khi di dời lên vùng cao được cấp đất mới, gia đình ông S không còn kê khai, sử dụng diện tích đất nói trên. Theo xác minh của UBND phường Đ đối với các hộ dân sống cùng khu vực gần thửa đất thì xác định được năm 1986 gia đình ông S chuyển lên vùng cao (Khu phố 3) sinh sống theo chủ trương di dời dân của UBND xã T1. Trong khoảng 02 năm sau đó gia đình ông S có vẻ thu hoạch tài sản trên đất. Từ đó về sau không còn sử dụng diện tích đất này nữa, phần đất này bỏ hoang cho đến năm 1994 gia đình ông Nguyễn Thế K1 nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Văn H4 và cải tạo, sử dụng luôn phần đất của ông S. Năm 2017, UBND thành phố Đ1 có chủ trương thu hồi, giải phóng mặt bằng để mở rộng đường từ phường 2 đi Đ, Đông Lương; trong đó có một phần thửa đất số 346 đã được hỗ trợ, đền bù cho gia đình ông Nguyễn Thế K1, gia đình ông Phạm Ngọc S không có ý kiến gì. Tháng 9/2018, ông Nguyễn Thế K1 và bà Đinh Thị Th2 làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND phường Đ niêm yết, thông báo công khai nhưng gia đình ông S không có khiếu nại. Ngày 31/10/2018, UBND thành phố Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 511791 cho ông Nguyễn Thế K1, bà Đinh Thị Th2 đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.056m². Tại biên bản làm việc ngày 09/11/2020 của Tổ xác minh UBND thành phố Đ1 cũng như tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/11/2021 có ông Phạm Ngọc T4 tham gia thì diện tích đất đang tranh chấp không có tài sản, cây cối gì.

Vì vậy, mặc dầu gia đình ông Phạm Ngọc S có kê khai vào sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 04, diện tích 540m² tại xã T1 (nay là phường Đ), thành phố Đ1. Do phần diện tích đất này nằm ở vùng trũng nên vào năm 1986 thực hiện chủ trương di dân từ vùng thấp lên vùng cao của UBND xã T1, gia đình ông S, bà N đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X510099 ngày 29/11/2003 với diện tích 1.323m² đất, trong đó 300m² đất ở và 1.023m² đất vườn, gia đình ông S, bà N đã xây dựng nhà ở và sinh sống ổn định tại khu phố 3, phường Đ, thành phố Đ1. Từ năm 1990 cho đến khi gia đình ông Nguyễn Thế K1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông S không sử dụng, không kê khai đăng ký,

không nộp thuế đất. Do đó, UBND thành phố Đ1 căn cứ nguồn gốc và quá trình sử dụng đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Thế K1, bà Đinh Thị Th2 là có căn cứ. Bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Phạm Ngọc S do những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị T, ông Phạm Ngọc T4, ông Phạm Ngọc T2, bà Phạm Thị Thanh T3 về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Ngọc S là đúng pháp luật nên bác kháng cáo của ông Phạm Ngọc T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của người khởi kiện, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Ngọc T4 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

3. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của ông Phạm Ngọc T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của người khởi kiện, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm c khoản 1 Điều 168, điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 18, các Điều 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 100, khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 5 Điều 20, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của ông Phạm Ngọc S do những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị T, ông Phạm Ngọc T4, ông Phạm Ngọc T2, bà Phạm Thị Thanh T3 về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Ngọc S.

2. Về án phí: Ông Phạm Ngọc T4 phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, được trừ 300.000đ ông Phạm Ngọc T4 đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000040 ngày 07/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm